

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 114 /2018/HSST

Ngày : 28/12/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Ngô Thế Tương

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Hoàng Văn Tuấn và bà Phạm Hồng Thiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2018/TLST – HS ngày 27 tháng 11 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST ngày 17 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo :

1. Trần Quang H, sinh ngày 29 tháng 10 năm 1980

Nơi cư trú: Số nhà 223, khu A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ văn hóa : 12/12 ; Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam ; Tôn giáo : Không ; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Trần Văn N và con bà Bùi Thị Ch (Đều đã chết). Bị cáo có vợ là Lê Thị T, sinh năm 1980, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009, đều cư trú tại: Số nhà 223, khu A, thị trấn D, huyện T, tỉnh Thái Bình Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Năm 2000 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Trộm cắp tài sản”. Năm 2001 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Năm 2003 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản. Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Năm 2014 bị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng tại Trung tâm cai nghiện huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại giam công an tỉnh Thái Bình.

(Có mặt)

2.Đàm Anh T, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1985

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Trình độ văn hóa : 12/12 ; Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam ; Tôn giáo : Không ; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông Đàm Văn N, sinh năm 1946 con bà Lê Thị T, sinh năm 1955. Bị cáo có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2007, đều cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thái Bình

Tiền sự, tiền án: Không.

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Năm 2013 bị đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng tại Trung tâm cai nghiện huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/9/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

Người bị hại

Chị : Đào Thị L1, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Cư trú tại: thôn Q, xã Q, huyện T, tỉnh Thái Bình

Chị : Bùi Thị H, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cư trú tại: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình

Chị : Đào Thị L2, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Cư trú tại: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

Chị : Phạm Thúy N, sinh năm 1976 (Có mặt)

Cư trú tại: thôn L, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị: Vũ Thị C, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn 1, xã H, huyện V, TP Hải Phòng

Ông: Đàm Văn Ngoan, sinh năm 1946 (Có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, Thái Bình

Chị: Lê Thị T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 223, khu X, thị trấn D, huyện T, Thái Bình

Chị: Trần Thị H1, sinh năm 1977 (Có mặt)

Chị: Trần Thị H2, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Đều cư trú tại: khu X, thị trấn D, huyện D, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang H và Đàm Anh T là hai đối tượng nghiện ma túy, do cần tiền để mua ma túy sử dụng nên từ tháng 12/2017 đến tháng 8/2018 lợi dụng lúc chủ nhà đi vắng H và T đã 04 thực hiện lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 18 giờ một ngày cuối tháng 12/2017, T trở H bằng xe mô tô biển kiểm sát 17B1- 695.97 đến gia đình chị Đào Thị L ở thôn H, xã Q, H phá khóa cửa nhà chị L trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung 40 inh; 01 điều khiển ti vi; 01 Camera. Sau khi lấy được tài sản cả hai mang sang huyện V, TP Hải Phòng bán cho một người phụ nữ không rõ tên, địa chỉ được 2.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản H và T trộm cắp của gia đình L là 3.350.000 đồng

Lần thứ 2: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/5/2018, T trở H bằng xe mô tô biển kiểm sát 17B1- 695.97 đến gia đình chị Bùi Thị H ở thôn Đ, xã D, H phá khóa cửa nhà chị L1 trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung 48 inh; 01 điều khiển ti vi. Sau khi lấy được tài sản cả hai mang sang huyện V, TP Hải Phòng bán cho một người phụ nữ không rõ tên, địa chỉ

được 3.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản H và T trộm cắp của gia đình chị L1 là 5.550.000 đồng

Lần thứ 3: Khoảng 10 giờ ngày 28/5/2018, T trở H bằng xe mô tô biển kiểm sát 17B1- 645.91 đến gia đình chị Đào Thị L2 ở thôn B, xã T, H phá khóa cửa nhà chị L2 trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung 43 inh; 01 điều khiển ti vi. Sau khi lấy được tài sản, T quay về nhà còn H bắt xe khách mang theo tài sản trộm cắp đi sang TP Hải Phòng, đến chân cầu Niệm Nghĩa, H bán ti vi, điều khiển cho một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ được 2.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản H và T trộm cắp của gia đình chị L2 là 3.050.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23/8/2018, T trở H bằng xe mô tô biển kiểm sát 17B1- 695.97 đến gia đình chị Phạm Thúy N ở thôn L, xã D, H phá khóa cửa nhà chị N trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sony 43 inh; 01 điều khiển ti vi; 01 điều khiển đầu thu nhãn hiệu Minix. Sau khi lấy được tài sản cả hai đến quán cà phê thuộc xã H, huyện V, TP Hải Phòng gạ bán ti vi và điều khiển cho chủ quán là chị Vũ Thị C. Vì không biết đó là tài sản phạm tội nên chị C đã mua với giá 3.500.000 đồng, sau đó chị C đã bán lại cho người không rõ tên, địa chỉ với giá 4.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản H và T trộm cắp của gia đình chị N là 9.250.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL- ĐG ngày 14/9/2018, số 40/KL- ĐG ngày 11/10/2018, số 41/KL- ĐG ngày 11/10/2018, số 42/KL- ĐG ngày 11/10/2018 và số 43/KL- ĐG ngày 11/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số tài sản do H và T trộm cắp có giá trị là 21.200.000 đồng. Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội, H và T đã làm hư hỏng tài sản của các gia đình bị hại tổng giá trị là 865.000 đồng. Cụ thể làm hư hỏng ổ khóa của gia đình chị Đào Thị L là 35.000 đồng, làm hư hỏng ổ khóa của gia đình chị Bùi Thị H là 250.000 đồng, làm hư hỏng ổ khóa của gia đình chị Phạm Thúy N là 550.000 đồng, làm hư hỏng ổ khóa của gia đình chị Đào Thị L là 30.000 đồng

Bản cáo trạng số 119/ CT- VKSTT ngày 26 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố Trần Quang H và Đàm Anh T về tội " Trộm cắp tài sản " tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo H và T đều khai nhận: Do cần tiền để sử dụng ma túy nên các bị cáo đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của gia đình các bị hại, sau khi lấy được tài sản các bị cáo đã mang sang thành phố Hải Phòng tiêu thụ, số tiền trên các bị cáo đã mua ma túy sử dụng và tiêu sài chung.

Chị Phạm Thúy N trình bày : Khoảng 19 giờ ngày 23/8/2018 gia đình chị bị kẻ gian phá khóa lấy trộm 01 ti vi nhãn hiệu Sony; 01 điều khiển ti vi; 01 đầu thu nhãn hiệu Minix, tổng số tài sản bị mất và thiệt hại do ổ khóa bị hư hỏng là 9.800.000 đồng. Chị đề nghị hai bị cáo phải cùng liên đới chịu trách nhiệm với số tiền này. Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo T đã bồi thường cho chị 4.900.000 đồng. Tại phiên tòa chị được biết gia đình bị cáo H đã tự nguyện khắc phục hậu quả và nộp số tiền này vào cơ quan thi hành án để khắc phục hậu quả cho chị với số tiền còn lại là 4.900.000 đồng. Chị đồng ý và xin đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H

Chị Trần Thị H trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B6- 695.97 mà cơ quan đã quản lý của bị cáo H là tài sản của bố chị để lại, hiện nay bố mẹ chị đều đã chết và không để lại di chúc, đây là tài sản đồng thừa kế của cả ba chị em. Chị không biết việc H

dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, chị đề nghị xin lại chiếc xe mô tô này và giao lại cho em chị là bị cáo H.

Chị Lê Thị T trình bày: Chị là vợ bị cáo H, trước khi mở phiên tòa chị đã tự nguyện thay bị cáo H nộp số tiền để khắc phục hậu quả cho những người bị hại và chị không yêu cầu bị cáo H phải trả lại chị số tiền trên.

Luận tội của Kiểm sát viên: Vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố với bị cáo về tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Quang H và Đàm Anh T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 đối với bị cáo Đàm Anh T

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 đối với bị cáo Trần Quang Huy

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Trần Quang H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng, bị cáo Đàm Anh T từ 09 đến 12 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập và tài sản riêng, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả của gia đình các bị cáo H và T đối với gia đình các bị hại, đề nghị trả lại cho bị cáo H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B6- 695.97 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người liên quan và những người tham gia tố tụng khác vắng mặt được công bố tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau :

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án

[3]. Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai của bị cáo Trần Quang H và bị cáo Đàm Anh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau : Đơn đề nghị và lời khai của những người bị hại, những người liên quan; các Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Như vậy đủ căn cứ để xác định: Lợi dụng lúc vắng người, chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản nên từ tháng 12/2017 đến tháng 8/2018 các bị cáo H và Thắng đã 04 thực hiện lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhà, cụ thể:

Lần thứ 1: Khoảng 18 giờ một ngày cuối tháng 12/2017, T và H đến gia đình chị Đào Thị L1 trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung 40 inh; 01 điều khiển ti vi; 01 Camera. Tổng giá trị tài sản H và Thắng trộm cắp của gia đình L là 3.350.000 đồng

Lần thứ 2: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 15/5/2018, T và H đến gia đình chị Bùi Thị H trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung 48 inh; 01 điều khiển ti vi. Tổng giá trị tài sản H và T trộm cắp của gia đình chị H là 5.550.000 đồng

Lần thứ 3: Khoảng 10 giờ ngày 28/5/2018, T và H đến gia đình chị Đào Thị L trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sam Sung 43 inh; 01 điều khiển ti vi. Tổng giá trị tài sản H và Thắng trộm cắp của gia đình chị L là 3.050.000 đồng.

Lần thứ 4: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23/8/2018, T và H đến gia đình chị Phạm Thúy N trộm cắp 01 ti vi nhãn hiệu Sony 43 inh; 01 điều khiển ti vi; 01 điều khiển đầu thu nhãn hiệu Minix. Tổng giá trị tài sản H và T trộm cắp của gia đình chị N là 9.250.000 đồng.

Tổng số tài sản do H và T trộm cắp có giá trị là 21.200.000 đồng .Ngoài ra khi thực hiện hành vi phạm tội, H và T đã làm hư hỏng tài sản của các gia đình bị hại tổng giá trị là 865.000 đồng. Hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào “ Trộm cắp tài sản ” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu và ma túy nên bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật. Các bị cáo đã 04 lần trộm cắp tài sản trị giá trên 2.000.000 đồng nên các bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần thiết phải quyết định một hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi cân nhắc hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T đã tác động đến gia đình bồi thường $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho những người bị hại, những người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thắng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H tuy không tác động đến gia đình nhưng trước khi mở phiên tòa vợ bị cáo đã bồi thường toàn bộ $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho những người bị hại, tại phiên tòa người bị hại là chị Phạm Thúy N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo phấn đấu trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[6]. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không bàn bạc phân công, phân nhiệm vai trò cụ thể nên vai trò của các bị cáo trong vụ án

này là ngang nhau. Các bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã quản lý của bị cáo Trần Quang H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17B6- 695.97, xét thấy tại phiên tòa xác định chiếc xe mô tô này là tài sản đồng thừa kế do bố mẹ bị cáo H để lại cho 03 chị em bị cáo, tại phiên tòa chị Trần Thị H và trong đơn xin xử vắng mặt chị Trần Thị H thống nhất xin lại chiếc xe trên và giao lại cho bị cáo H, vì vậy cần tuyên trả lại chiếc xe mô tô này cho bị cáo H

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa các gia đình bị cáo và những người bị hại.

Ông Đàm Văn N là bố bị cáo Đàm Anh T đã bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 11.050.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho gia đình chị Đào Thị L 1.700.000 đồng; Bồi thường cho gia đình chị Bùi Thị H 2.900.000 đồng; Bồi thường cho gia đình chị Phạm Thúy N 4.900.000 đồng; Bồi thường cho gia đình chị Đào Thị L 1.550.000 đồng. Các bị hại đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Chị Lê Thị T là vợ bị cáo Trần Quang H đã bồi thường cho những người bị hại tổng số tiền là 11.015.000 đồng, cụ thể: Bồi thường cho gia đình chị Đào Thị L 1.685.000 đồng; Bồi thường cho gia đình chị Bùi Thị H 2.900.000 đồng; Bồi thường cho gia đình chị Phạm Thúy N 4.900.000 đồng; Bồi thường cho gia đình chị Đào Thị L 1.530.000 đồng. Chuyển số tiền 11.015.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0006817 ngày 28/12/2018 và biên lai thu tiền số 0006815 ngày 27/12/2018 tại chi cục thi hành án huyện Thái Thụy sang thi hành án đối với bị cáo H.

[9]. Đối với chị Vũ Thị D đã mua chiếc ti vi cùng điều khiển của các bị cáo, sau đó chị đã bán chiếc ti vi cùng điều khiển cho người khác. Khi mua chị không biết những tài sản trên là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Quang H và Đàm Anh T phạm tội " Trộm cắp tài sản " Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Trần Quang H 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2018

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50 điểm b, s khoản 1,2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự .

Xử phạt bị cáo Đàm Anh T 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2018

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện giữa gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại với số tổng số tiền là 22.065.000 đồng. Cụ thể như sau:

Ông Đàm Văn N đã bồi thường chị Đào Thị L 1.700.000 đồng; cho chị Bùi Thị H 2.900.000 đồng; chị Phạm Thúy N 4.900.000 đồng; chị Đào Thị L 1.550.000 đồng. Các bị hại đã nhận đủ số tiền trên.

Chị Lê Thị T đã bồi thường chị Đào Thị L 1.685.000 đồng; chị Bùi Thị H 2.900.000 đồng; chị Phạm Thúy N 4.900.000 đồng; chị Đào Thị L 1.530.000 đồng. Chuyển số tiền 10.150.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006815 ngày 27/12/2018 và số tiền 865.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0006817 ngày 28/12/2018 (tổng cộng là 11.015.000 đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cho việc thi hành án của bị cáo H

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Trần Quang H chiếc mô tô biển kiểm soát 17B1, 645.91(có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy ngày 27/11/2018)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; NQ 326/2016/UBTVQH 14 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quang H và Đàm Anh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

4. Về quyền kháng cáo bản án: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo; người bị hại, người có quyền liên nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bản được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Thái Thụy;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THA DS huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Lưu văn phòng.

T/M Hết 5 2 0 1 7 x 2 0 1 8
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thế Tương